



22/1/21

**DAILY** MORNING

VN-Index hồi phục tích cực



|                   | 22/1     | % Sáng<br>22/1 | 21/1     | % Ngày<br>21/1 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 1,164.21 | 2.60%          | -1.95% | 7.69%   |
| S&P 500           |          |                | 3,853.07 | 0.03%          | 1.13%  | 3.51%   |
| S&P500<br>Futures | 3,846.75 | 0.02%          | 3,846.00 | 0.03%          | 1.46%  | 3.79%   |
| Shanghai          |          |                | 3,583.09 | 1.07%          | 1.55%  | 5.87%   |
| Euro Stoxx        |          |                | 3,618.35 | -0.16%         | -0.63% | 2.05%   |



Nguồn: Bloomberg, BSC

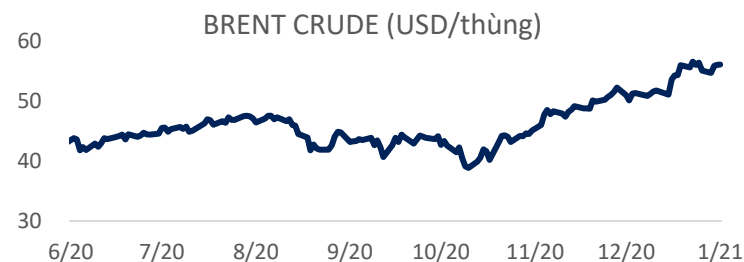


Nguồn: Bloomberg, BSC

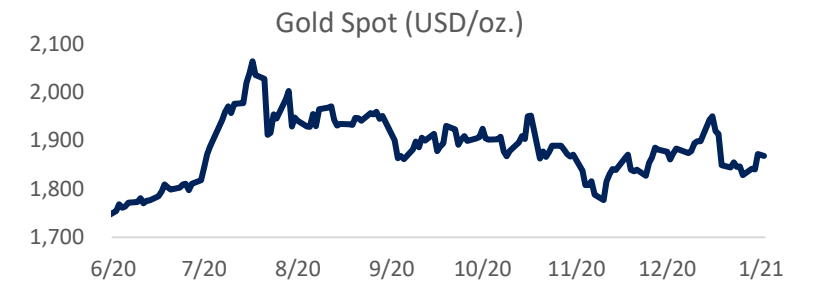
| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | PTKT                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Đơn xin trợ cấp lần đầu tại Mỹ giảm xuống 900 nghìn trong tuần kết thúc hôm 16/1, từ mức 926 nghìn trong tuần liền trước.</li> <li>ECB duy trì lãi suất điều hành tại mức 0% và duy trì hạn mức thu mua tài sản 1,850 tỷ EUR của gói PEPP tới hết 3/2022.</li> <li>BOJ duy trì lãi suất điều hành tại mức -0.1% và mục tiêu lợi suất trái phiếu chính phủ mười năm tại mức 0%. BOJ nâng triển vọng GDP lên 3.9% YoY từ mức 3.6% cho năm tài khóa bắt đầu tại 4/2021.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Kháng cự 3900       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hỗ trợ 3150         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Kháng cự 3600       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hỗ trợ 3000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Điểm PTKT TRUNG LẬP |

| Mặt hàng     | Đơn vị   | 22/1     | % Sáng<br>22/1 | 21/1    | % 21/1 | % Tuần  | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|----------------|---------|--------|---------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 53.04    | -0.17%         | 53.13   | -0.34% | -1.08%  | 7.50%   | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. |          |                | 56.10   | 0.04%  | -0.57%  | 7.35%   | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 154.83   | 0.03%          | 154.79  | 0.26%  | -0.36%  | 0.11    | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,867.76 | -0.12%         | 1870.02 | -0.10% | 2.15%   | 0.37%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 25.92    | -0.06%         | 25.94   | 0.36%  | 4.65%   | 2.91%   | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,370.25 | 0.05%          | 1369.50 | 0.00%  | -2.56%  | 13.67%  | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USd/bu.  | 660.75   | -1.05%         | 667.75  | 0.00%  | 0.04%   | 8.54%   | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt  |          |                | 16.47   | 0.06%  | -12.90% | 0.18%   | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| RUBBER       | JPY/kg   | 237.70   | -1.74%         | 241.90  | 1.60%  | -2.22%  |         | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |                | 16.05   | -1.35% | 1.33%   | 9.33%   | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |                | 126.45  | 1.00%  | 0.96%   | -0.12%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |                | 8021.50 | -0.29% | -0.34%  | 1.28%   | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,320.00 | 0.58%          | 4295.00 | -0.79% | -0.05%  | -2.22%  | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |                | 1997.50 | 0.86%  | -0.40%  | -2.70%  |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 1,064.50 | 1.24%          | 1051.50 | 0.00%  | 0.61%   | -2.29%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |                | 83.40   | -0.36% | -5.60%  | 1.77%   | HT1, BCC, PPC, POW | HLC, NBC, TNT, THT |

Ghi chú: USd = US Cent



Nguồn: Bloomberg, BSC



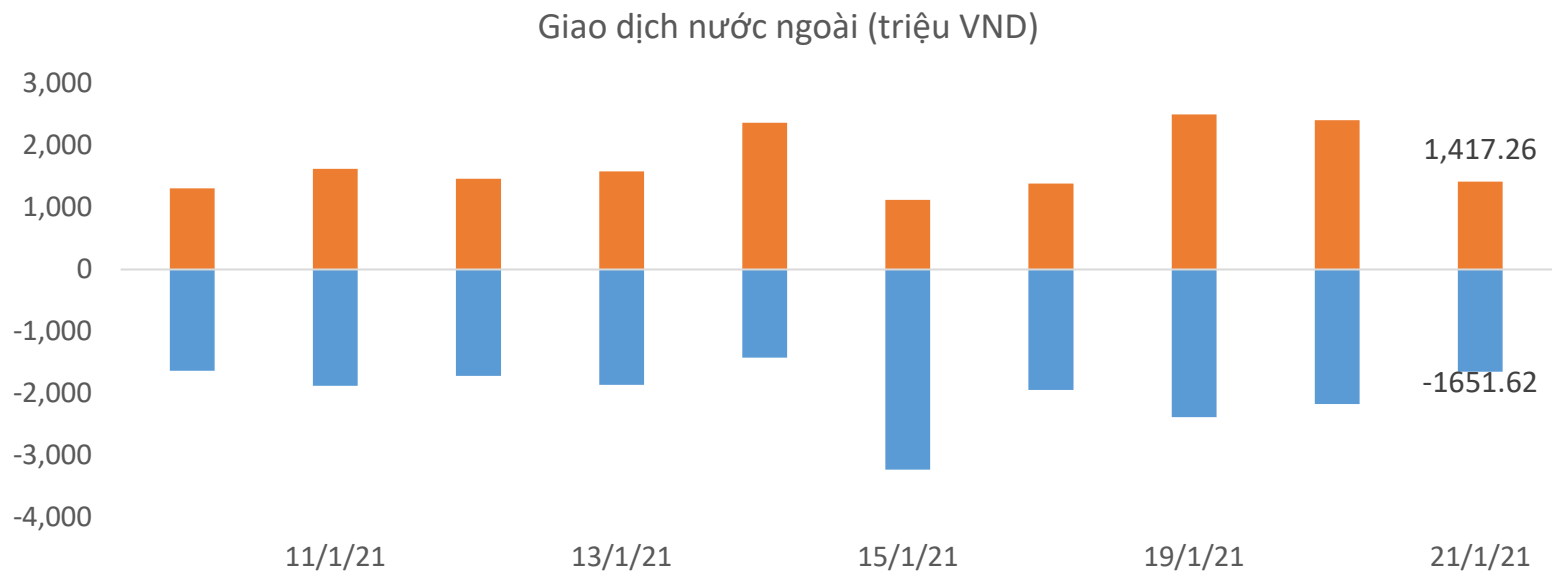
Nguồn: Bloomberg, BSC



# ETF E1, Diamond tăng; Finlead giảm nhẹ quy mô

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |       |       | Nhận định                                                                                                                                          |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|------|-------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W   | 1M    | 3M    |                                                                                                                                                    |
| VNM       | 487.0            | 18.3            | 0.00               | 0.3%         | 0.0                       | 0.9  | 11.5  | 11.4  | ETF E1, Diamond tăng quy mô. ETF Finlead giảm quy mô. Các ETFs khác cân bằng duy trì quy mô hiện tại.                                              |
| FTSE      | 387.1            | 37.0            | 0.0                | 0.6%         | 0.0                       | 4.7  | 38.0  | 73.0  |                                                                                                                                                    |
| iShare    | 431.8            | 29.7            | 0.0                | -0.1%        | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | 0.0   |                                                                                                                                                    |
| E1VFN30   | 374.2            | 0.8             | 4.0                | 0.0%         | 3.3                       | 12.5 | 28.1  | 26.6  |                                                                                                                                                    |
| FUEVFN30  | 289.7            | 0.8             | 5.8                | 0.8%         | 4.6                       | 23.6 | 55.6  | 126.7 | Khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực. Họ mua ròng tại thị trường Indian, Korea, Indonesia, Taiwan, Thailand và bán tại các thị trường khác. |
| FUESSVFL  | 54.2             | 0.7             | -1.0               | -0.8%        | -0.6                      | -0.6 | 0.6   | -0.2  |                                                                                                                                                    |
| FUESSVN30 | 3.0              | 0.6             | 0.00               | 0.3%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | -0.4  |                                                                                                                                                    |
| FUEMAVN30 | 12.6             | 0.6             | 0.00               | 0.8%         | 0.0                       | 1.3  | 5.4   | -0.1  |                                                                                                                                                    |
| VN100     | 3.9              | 0.6             | 0.0                | 0.3%         | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | -0.1  |                                                                                                                                                    |
| KIM       | 189.7            | 14.2            | 0.0                | 0.7%         | 0.0                       | 0.0  | -30.9 | -34.2 |                                                                                                                                                    |
| PREMIA    | 30.3             | 11.3            | -                  | 0.8%         | -                         | 0.5  | 4.0   | 4.4   |                                                                                                                                                    |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày   | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|--------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -10.52 | -34.89                | -171.24                |
| ASEAN4*                                               | 12.98  | -20.63                | -182.30                |
| Ấn Độ                                                 | 341.14 | 723.43                | 3019.57                |
| Đài Loan                                              | 106.24 | -349.11               | 2319.31                |
| Hàn Quốc                                              | 228.30 | 693.21                | 322.23                 |
| Nhật Bản                                              |        | 1,636.02              | 6396.30                |
| Trung Quốc                                            |        |                       | -16562.35              |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |        |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |        | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |        | -3.81                 |                        |
| Thái Lan                                              |        | 5.87                  |                        |
| Singapore                                             |        | -3.81                 |                        |
| Phillippines                                          |        | 2.94                  |                        |
| Malaysia                                              |        | 2.80                  |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

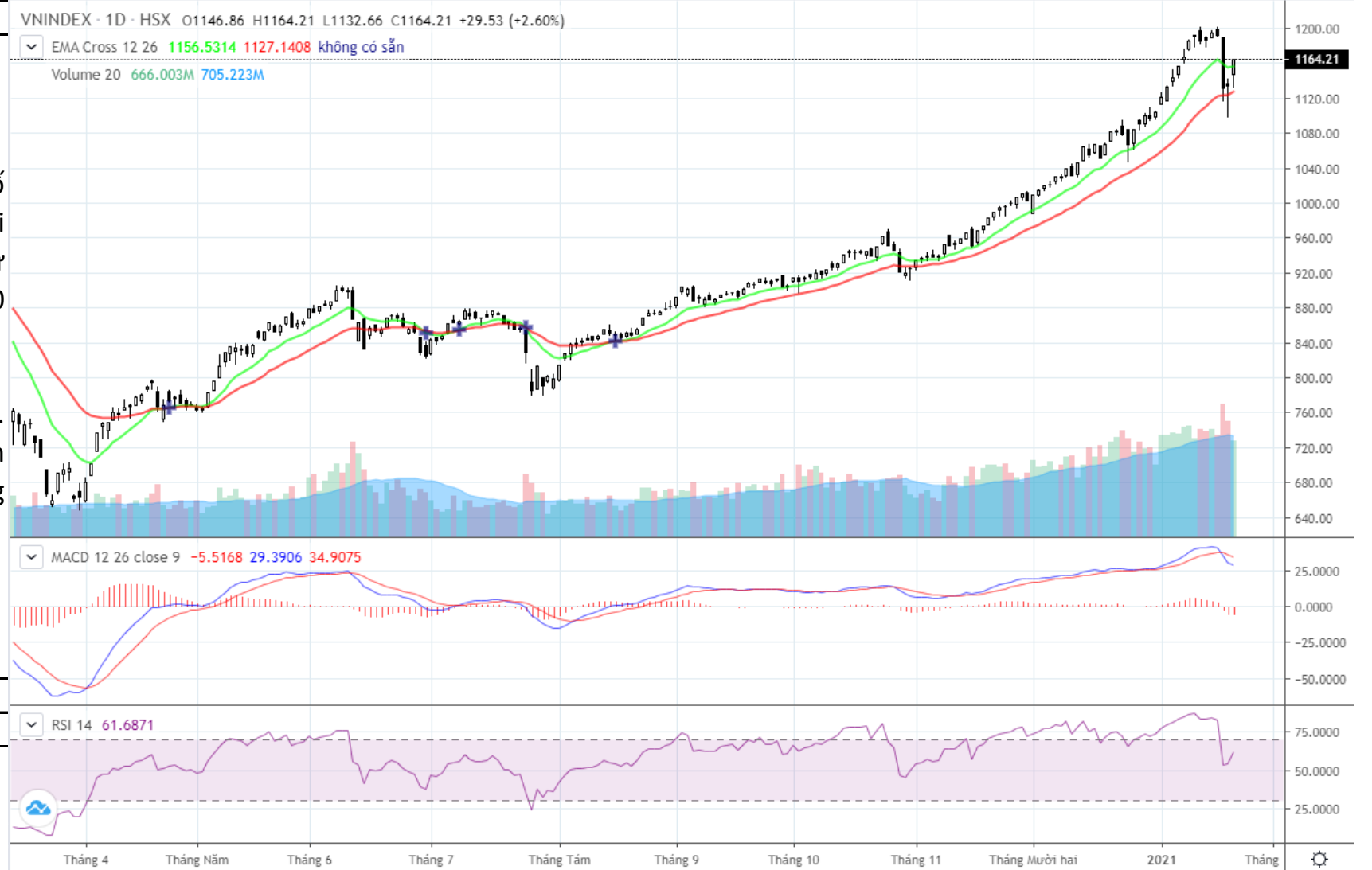
# Hồi phục mạnh mẽ

## Tin vĩ mô

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14, áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay là 2,100 đồng/lít, từ ngày 1/1/2021 đến hết ngày 31/12/2021, 3,000 đồng/lít từ ngày 1/1/2022.
- 18/19 ngành cấp 2 thuộc HSX và HNX tăng điểm. Những ngành tích cực nhất là: Tài nguyên cơ bản (+5.53%), Ô tô và phụ tùng (+4.06%), Ngân hàng (+3.54%).

## Thông số kỹ thuật

|          |            |
|----------|------------|
| Xu hướng | Điều chỉnh |
| Chỉ báo  | Trung lập  |
| Kháng cự | 1200       |
| Hỗ trợ   | 1100       |



Nguồn: FireAnt, BSC

- NTC: Quý IV/2020, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt 68,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 41,5 tỷ đồng, lần lượt tăng 29,3% và giảm 29,8% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt 263,6 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 280,7 tỷ đồng, lần lượt tăng 36,1% và 19,4% so với năm 2019.
- DVP: Ngày 25/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 08/2/2021.
- MSB: Thông báo, ngày 29/1 tới sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua hơn 82,55 triệu cổ phiếu quỹ. Theo đó, tỷ lệ thực hiện 10.100 : 775,7 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 10.100 quyền được mua 775,7 cổ phiếu quỹ). Giá bán 11.500 đồng/cổ phiếu.
- TDC: Đã thông qua phương án chào bán 35 triệu cổ phiếu ra công chúng với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
- TNG: Đã công bố Báo cáo tài chính quý IV/2020 với doanh thu 955 tỷ đồng, giảm 9% so với quý IV/2019, lợi nhuận sau thuế 23 tỷ đồng, giảm 59%. Lũy kế cả năm 2020, doanh thu TNG đạt 4.484 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 152 tỷ đồng, lần lượt giảm 3% và 34% so với thực hiện năm 2019.
- PAN: Doanh thu hoạt động tài chính gần 173 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ giúp PAN lãi sau thuế ghi nhận hơn 122 tỷ đồng, trong khi quý IV/2019 chưa đầy nửa tỷ đồng. Cả năm 2020, doanh thu hoạt động tài chính PAN hơn 309 tỷ đồng, tăng 93%; lợi nhuận sau thuế 111,5 tỷ đồng, tăng 22,5 lần so với thực hiện năm 2019.
- NDN: Quý IV/2020 công ty mẹ với doanh thu đạt 173,5 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 67,7 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 4.031% và 351,3% so với quý IV/2019. Lũy kế năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt 859,8 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 321,4 tỷ đồng, lần lượt tăng trưởng 4.094,1% và 351,4% so với thực hiện trong năm 2019.
- FMC: Quý IV/2020, Thực phẩm Sao Ta ghi nhận doanh thu đạt 1.209,4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 63,6 tỷ đồng, lần lượt tăng 25,8% và 3,2% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu đạt 4.415,2 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 226 tỷ đồng, lần lượt tăng 19% và giảm 1,7% so với thực hiện trong năm 2019.
- DBC: Quý IV/2002 doanh thu thuần tăng 38% lên 2.867 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp tăng 20% đạt 589 tỷ đồng. Do chi phí hoạt động và chi phí thuế tăng mạnh, lợi nhuận sau thuế còn tăng 2% lên 263 tỷ đồng - thấp hơn nhiều so với mức 350-400 tỷ đồng mỗi quý trong 3 quý đầu năm. Tính chung cả năm, Dabaco ghi nhận doanh thu thuần tăng 39% lên trên 10.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 359% đạt 1.400 tỷ đồng.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*

|                                                                  |                      |            |              |                                                                            |                   |                      |    |              |     |
|------------------------------------------------------------------|----------------------|------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|----|--------------|-----|
| <div>DXG</div> <div>18.7</div> <div>CTCP Tập đoàn Đất Xanh</div> | Xu hướng hiện tại    | Kháng cự   | 19           | <div>NVL</div> <div>75.9</div> <div>CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova</div> | Xu hướng hiện tại | Kháng cự             | 77 |              |     |
|                                                                  | Tăng giá             | Hỗ trợ     | 17           |                                                                            | Tăng giá          | Hỗ trợ               | 73 |              |     |
|                                                                  |                      | MACD       | ↑            |                                                                            |                   | MACD                 | ↑  |              |     |
|                                                                  |                      | RSI        | ↑            |                                                                            |                   | RSI                  | ↑  |              |     |
|                                                                  |                      | Moving Avg | ↑            |                                                                            |                   | Moving Avg           | ↑  |              |     |
| Tích cực                                                         | Khuyến nghị kỹ thuật |            | Giá mục tiêu | 23                                                                         | Tích cực          | Khuyến nghị kỹ thuật |    | Giá mục tiêu | 88  |
|                                                                  |                      |            | Upside       | 23%                                                                        |                   |                      |    | Upside       | 16% |

Phân tích chỉ tiêu định giá

PB hiện tại 0.96 thấp hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trường .Bên cạnh đó , PE năm trước 6.91 .PE ngành 29.12, PB ngành 1.54. PE thị trường 26.78, PB thị trường 1.18

Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng

Doanh thu 12 tháng gần nhất là 3892.54 tỷ đồng , tăng trưởng -25.24 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 379.38 tỷ đồng , tăng trưởng -81.56 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 33.79 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt 43.86 %.

Phân tích chỉ tiêu định giá

Cổ phiếu có PE hiện tại 11.85 thấp hơn trung bình ngành ; thấp hơn trung bình thị trườngPB hiện tại 2.73 cao hơn trung bình ngành ; cao hơn trung bình thị trường .Bên cạnh đó , PE năm trước 19.19 .PE ngành 29.12, PB ngành 1.54. PE thị trường 26.78, PB thị trường 1.18

Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng

Doanh thu 12 tháng gần nhất là 5183.85 tỷ đồng , tăng trưởng -71.37 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 5594.88 tỷ đồng , tăng trưởng 90.23 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 20.33 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt 28.8 %.

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV  
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639